

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671007 - Quy hoạch tuyển tính

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Khắc Phương	Quang	3671041535	10/09/1994	7,00	2,80	4,10	
2	Lưu Văn	Long	3671041560	01/01/1994	9,00	6,00	6,90	
3	Đặng Hữu	Tiền	3671041569	07/11/1993	,00	,00	,00	CT
4	Tô Thái	Viễn	3671041571	14/08/1994	5,00	7,50	6,80	
5	Nguyễn Hùng Gia	Uy	3671041574	22/11/1994	8,00	3,00	4,50	
6	Hoàng Đình	Linh	3671041579	30/08/1994	10,00	8,50	9,00	
7	Trương Mạnh	Cường	3671041608	11/01/1994	8,00	7,00	7,30	
8	Nguyễn Công	Thành	3671041616	23/11/1993	5,00	2,00	2,90	
9	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994	3,50	3,50	3,50	
10	Lê Quốc	Thịnh	3671041622	26/12/1994	,00	,00	,00	CT
11	Hồ Thế	Kiệt	3671041625	22/12/1993	5,00	5,00	5,00	
12	Phan Anh	Tuấn	3671041628	04/04/1994	,00	,00	,00	CT
13	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994	4,00	1,50	2,30	
14	Lê Ngọc	Thông	3671041639	28/10/1994	,00	,00	,00	CT
15	Đàm Văn	Son	3671041642	01/02/1994	4,50	1,00	2,10	
16	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994	4,50	2,00	2,80	
17	Nguyễn Hữu	Tiến	3671041652	22/08/1994	,00	,00	,00	CT
18	Phạm Ngọc	Tuân	3671041653	10/07/1992	5,50	7,00	6,60	
19	Lê Bảo	Huy	3671041656	11/06/1994	8,00	4,30	5,40	
20	Nguyễn Trọng	Kiên	3671041657	16/06/1994	,00	,00	,00	CT
21	Hoàng	Đạt	3671041659	25/09/1993	,00	,00	,00	CT
22	Tô Thanh	Tuấn	3671041662	20/07/1993	,00	,00	,00	CT
23	Huỳnh Quang	Hiếu	3671041673	23/04/1994	,00	,00	,00	
24	Bùi Lê Tuấn	Phong	3671041679	07/01/1994	,00	,00	,00	CT
25	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994	5,50	4,50	4,80	
26	Dương Ngọc	Tiến	3671041830	16/10/1994	,00	,00	,00	CT
27	Huỳnh Xuân	Hoàng	3671041831	31/01/1994	9,00	5,00	6,20	
28	Trương Đình Bảo	Duy	3671041835	05/10/1994	,00	,00	,00	CT
29	Vương Huỳnh	Triều	3671041837	13/12/1994	,00	,00	,00	CT
30	Hùynh	Pháp	3671041843	24/03/1994	,00	,00	,00	CT
31	Trịnh Hữu	Ý	3671041845	06/01/1994	,00	,00	,00	CT
32	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994	,00	,00	,00	CT
33	Nguyễn Văn	Chắt	3671041880	01/01/1993	10,00	7,00	7,90	
34	Tô Minh	Quý	3671041885	07/12/1994	3,00	2,50	2,70	
35	Lê Văn	Khanh	3671041888	12/07/1993	3,50	3,00	3,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Hoàng	Luật	3671041890	15/11/1985	,00	,00	,00	CT
37	Hứa Văn	Dũng	3671041892	05/06/1994	,00	,00	,00	CT
38	Võ Văn	Vinh	3671041893	08/03/1993	9,00	5,50	6,60	
39	Nguyễn Tiến	Dũng	3671041899	23/03/1994	,00	,00	,00	CT
40	Đặng Bá	Thi	3671041901	06/09/1994	10,00	4,00	5,80	
41	Trần Quốc	Dũng	3671041904	06/08/1994	4,00	,00	1,20	
42	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994	5,00	6,00	5,70	
43	Nguyễn Hoàng	Anh	3671041924	04/01/1994	,00	,00	,00	CT
44	Nguyễn Phước	Huy	3671041926	16/05/1994	1,00	1,00	1,00	
45	Cao Văn	Dũng	3671041927	14/07/1993	7,50	3,00	4,40	
46	Trần Trung	Hiếu	3671041929	11/11/1994	4,50	5,00	4,90	Nợ HP
47	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992	8,50	2,50	4,30	
48	Hoàng Minh	Hải	3671041932	12/04/1994	,00	,00	,00	CT
49	Nguyễn Sỹ	Vũ	3671041951	17/03/1992	9,00	1,50	3,80	
50	Trần Quốc	Việt	3671041959	30/03/1994	8,00	3,00	4,50	
51	Nguyễn Thành	Hiếu	3671041971	11/10/1992	3,00	4,00	3,70	
52	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994	,00	,00	,00	CT
53	Nguyễn Văn	Sinh	3671041998	25/09/1994	1,50	4,00	3,30	
54	Trần Xuân	Dưỡng	3671042018	08/02/1993	,00	,00	,00	CT
55	Lê Nhựt	Tân	3671042031	06/10/1994	,00	,00	,00	CT
56	Xành Phối	Linh	3671042045	10/11/1993	7,50	4,00	5,10	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)